

Phụ lục 1: Thư mời khảo sát



Hà Nội ngày 15 tháng 7 năm 2005

V/v: **Khảo sát về doanh nhân nữ Việt Nam**

Kính thưa Bà

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân MPDF xin gửi tới bà lời chào trân trọng.

Nhằm phục vụ cho công tác soạn thảo Luật Bình đẳng giới, chúng tôi đang thực hiện một cuộc khảo sát về nhu cầu và những khó khăn, thách thức của doanh nhân nữ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Xin bà dành chút thời gian điền vào bản câu hỏi gửi kèm theo và gửi thư hoặc fax về địa chỉ:

Nguyễn Thị Mỹ
Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân MPDF
Tầng 3, 63 Lý Thái Tổ, Hà Nội
ĐT: (04) 8247892; Fax: (04) 8247898

Chúng tôi xin gửi tới Quý doanh nghiệp một món quà thay lời cảm ơn. Mời quý doanh nghiệp xem chi tiết ở phần cuối của bảng câu hỏi. Chúng tôi rất mong nhận được sự phản hồi kịp thời từ phía quý Doanh nghiệp để thu thập được những ý kiến xác đáng nhất cho quá trình soạn thảo Luật Bình đẳng giới.

Xin chân thành cảm ơn

Kính thư



Nguyễn Thị Thanh Hoà
Phó chủ tịch
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam



Nguyễn Phương Quỳnh Trang
Giám đốc, Phát triển Môi trường Kinh doanh
MPDF

Phụ lục 2: Bảng câu hỏi khảo sát

Khảo sát doanh nhân nữ Việt Nam

Là một doanh nhân nữ, Bà đang đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế quốc gia, điều này không chỉ đúng ở Việt Nam mà cả trên toàn thế giới. Chúng tôi muốn tìm hiểu thêm về những doanh nhân nữ như bà, về doanh nghiệp của bà, cũng như những ý kiến/quan điểm của bà về những biện pháp, chính sách mà chính phủ cần xây dựng để có thể hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển lớn mạnh hơn.

Xin dành một vài phút điền vào bản câu hỏi dưới đây - bà sẽ chỉ mất nhiều nhất là 15 phút - và gửi lại bản trả lời cho chúng tôi theo đường bưu điện (bằng phong bì gửi kèm theo mà không cần dán tem) hoặc gửi fax về địa chỉ sau đây:

Nguyễn Thị My
Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân MPDF
Tầng 3, 63 Lý Thái Tổ, Hà Nội
ĐT: 04 8 247892 / Fax: 04 8 247898

Hàng ngàn doanh nhân nữ khác cũng đang nhận được bản câu hỏi khảo sát này. Kết quả của khảo sát này sẽ là một thông tin quan trọng trong các thảo luận chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ ở Việt Nam.

Mọi thông tin bà cung cấp sẽ được giữ tuyệt mật. Sẽ không có những thông tin cụ thể để xác định được bản trả lời nào là của bà. Chúng tôi xin gửi tới Quý doanh nghiệp một món quà thay lời cảm ơn. Đó là ba trong số những cuốn sách về quản lý doanh nghiệp của Business Edge - bộ sách học linh hoạt do MPDF biên soạn.

Nếu bà đang làm chủ nhiều doanh nghiệp, xin trả lời về 1 doanh nghiệp chính của mình. Ở mỗi câu hỏi, hãy chọn câu trả lời nào gần đúng nhất hiện trạng doanh nghiệp, phù hợp nhất với những đánh giá, nhận xét và quan điểm của bà.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của bà.

Trước tiên, chúng tôi muốn tìm hiểu một số vấn đề bà đang gặp phải khi điều hành doanh nghiệp...

1. Bà suy nghĩ gì về triển vọng phát triển của kinh tế Việt Nam trong hai năm tới?
(Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Rất lạc quan (1) | <input type="checkbox"/> Tương đối bi quan (4) |
| <input type="checkbox"/> Tương đối lạc quan (2) | <input type="checkbox"/> Rất bi quan (5) |
| <input type="checkbox"/> Bình thường (3) | |



2. Bà suy nghĩ gì về triển vọng phát triển của doanh nghiệp mình trong hai năm tới? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Rất lạc quan (1) | <input type="checkbox"/> Tương đối bi quan (4) |
| <input type="checkbox"/> Tương đối lạc quan (2) | <input type="checkbox"/> Rất bi quan (5) |
| <input type="checkbox"/> Bình thường (3) | |

3. Hãy đánh giá mức độ quan trọng của các vấn đề sau đây đối với doanh nghiệp của bà hiện nay? (Chọn **MỘT** câu trả lời cho mỗi vấn đề)

| | Hoàn toàn không quan trọng (1) | Bình thường (2) | Hơi quan trọng (3) | Rất quan trọng (4) | Vô cùng quan trọng (5) |
|---|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------------|
| a. Tiếp cận các nguồn tài chính | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| b. Chất lượng lao động, tuyển dụng và giữ lao động giỏi | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| c. Tiếp cận đất đai/nhà xưởng/tài sản | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| d. Tiếp cận các công nghệ cần thiết cho doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| e. Chi phí dịch vụ công cộng cao (điện, nước, viễn thông v.v...) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| f. Cạnh tranh từ các nước khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| g. Các khoản chi cho hối lộ và không chính thức khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| h. Tham nhũng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| i. Chi phí lao động cao | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| j. Hiệu suất/năng suất thấp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| k. Tiếp cận các khóa đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật để học hỏi các kỹ năng quản trị doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| l. Tiếp cận thị trường mới (ví dụ như buôn bán với nước ngoài, hay bán cho nhiều loại khách hàng khác nhau) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| m. Luật pháp và chính sách không có lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| n. Học các kỹ năng về quản lý tài chính để tiếp tục mở rộng doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| o. Những thành kiến đối với phụ nữ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |



4. Còn vấn đề nào quan trọng hơn đối với doanh nghiệp của bà hiện nay mà không được đề cập ở câu hỏi trên? Nếu có, xin điền vào đây.
-
-

5. Trong 12 tháng tới, liệu doanh nghiệp của bà có kế hoạch ____? (Chọn tất cả những câu trả lời phù hợp)

- Thuê nhân công mới (1)
- Tăng vốn đầu tư (2)
- Mở rộng sang thị trường mới (3)
- Tìm đối tác nước ngoài mới (4)
- Tìm kiếm những hỗ trợ đặc biệt từ chính phủ (5)
- Giảm nhân công (6)
- Giảm vốn đầu tư (7)
- Ngừng hoạt động một chi nhánh (8)
- Chờ đợi và xem xét, giữ nguyên số nhân công và vốn đầu tư (9)

6. Câu nào trong những câu sau đây có thể miêu tả gần đúng nhất mục tiêu của bà đối với doanh nghiệp trong 2 năm tới? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)

- Tiếp tục công việc kinh doanh bán thời gian (part-time) để tăng thêm thu nhập cho gia đình (1)
- Phát triển công việc kinh doanh bán thời gian (part-time) thành công việc kinh doanh toàn phần (full-time) (2)
- Tiếp tục hoạt động kinh doanh toàn phần (full-time) như hiện nay (3)
- Mở rộng công việc kinh doanh bằng cách tăng doanh số / tăng nhân công (4)
- Mở rộng công việc kinh doanh bằng cách phát triển sang thị trường mới (5)
- Bán hoặc ngừng hoạt động doanh nghiệp (6)

7. Trong vài tháng tới, các nhà hoạch định chính sách sẽ xem xét những biện pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ ở Việt Nam, có thể có một số chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp do nữ làm chủ. Chúng tôi mong bà cho biết ý kiến về những chính sách nào nên được ưu tiên. Từ danh sách dưới đây, hãy đánh dấu vào **BA LĨNH VỰC QUAN TRỌNG NHẤT** mà theo bà các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới cần tập trung đến.

- Rút ngắn thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp (1)
- Giảm chi phí cần thiết để đăng ký thành lập doanh nghiệp (2)
- Cung cấp những kỹ năng kinh doanh cơ bản cho những chủ doanh nghiệp mới hoặc những người đang có kế hoạch thành lập doanh nghiệp (3)
- Cung cấp những khóa đào tạo về kỹ năng kinh doanh đặc biệt dành cho phụ nữ (4)

- Thành lập một ban cố vấn đặc biệt để tư vấn chính phủ về những chính sách/chương trình liên quan đến phát triển doanh nghiệp nữ (5)
- Thay đổi các quy định luật pháp về lao động để tăng khả năng linh hoạt của doanh nghiệp trong việc sa thải và thay thế nhân công (6)
- Đơn giản hóa các thủ tục đăng ký và chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản (7)
- Thành lập quỹ tín dụng đặc biệt hay chương trình đảm bảo tín dụng dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ (8)
- Các chiến dịch truyền thông nhằm nâng cao hình ảnh của doanh nhân (9)
- Thiết lập những mục tiêu để chính phủ ưu tiên mua bán hàng hóa và dịch vụ từ doanh nghiệp nhỏ (10)
- Lĩnh vực khác (ĐỀ NGHỊ VIẾT CỤ THỂ VÀO ĐÂY:
_____) (98)

Chúng tôi muốn tìm hiểu xem doanh nghiệp của bà có tham gia thị trường quốc tế hay không

8. Hiện nay doanh nghiệp có xuất khẩu hay nhập khẩu hàng hóa/dịch vụ hay không?
(Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Không (1)
 - Có, xuất khẩu hàng hóa/dịch vụ (2)
 - Có, nhập khẩu hàng hóa/dịch vụ (3)
 - Có, cả xuất và nhập (4)
9. (Nếu có ở câu 8) Doanh nghiệp đang quan hệ buôn bán với những thị trường nào? (Chọn tất cả những câu trả lời phù hợp)
- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Australia (1) | <input type="checkbox"/> Singapore (7) |
| <input type="checkbox"/> Trung Quốc (2) | <input type="checkbox"/> Hàn Quốc (8) |
| <input type="checkbox"/> Đức (3) | <input type="checkbox"/> Đài Loan (9) |
| <input type="checkbox"/> Hồng Kông (4) | <input type="checkbox"/> Vương Quốc Anh (10) |
| <input type="checkbox"/> Nhật Bản (5) | <input type="checkbox"/> Hoa Kỳ (11) |
| <input type="checkbox"/> Malaysia (6) | <input type="checkbox"/> Thị trường khác (12) |

Hãy cung cấp cho chúng tôi một số thông tin liên quan đến việc sử dụng công nghệ ở doanh nghiệp.

10. Doanh nghiệp bà đang sử dụng những thiết bị công nghệ thông tin nào? (Chọn tất cả những câu trả lời phù hợp)
- Máy tính cá nhân (1)
 - Hệ thống nhiều đường điện thoại (2)
 - Điện thoại di động (3)
 - Máy fax (4)
 - Các máy tính được nối mạng với nhau (5)

11. Hãy miêu tả mức độ sử dụng Internet ở doanh nghiệp bà? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Doanh nghiệp chúng tôi chưa từng sử dụng Internet (1)
 - Doanh nghiệp chúng tôi thỉnh thoảng có sử dụng Internet (2)
 - Doanh nghiệp chúng tôi thường xuyên sử dụng Internet (3)
12. Doanh nghiệp bà có trang Web không? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Có (1)
 - Không (2)

Hãy chia sẻ với chúng tôi một số thông tin liên quan đến các nguồn vốn doanh nghiệp đang sử dụng

13. Trong 12 tháng vừa qua doanh nghiệp đã sử dụng những nguồn vốn nào? (Chọn tất cả những câu trả lời phù hợp)
- Vay ngân hàng với tư cách doanh nghiệp (1)
 - Vay ngân hàng với tư cách cá nhân (2)
 - Các hạn mức tín dụng (3)
 - Lãi của doanh nghiệp (4)
 - Vay từ chương trình tài chính vi mô (5)
 - Thẻ tín dụng (6)
 - Vay chợ đen (7)
 - Các nguồn cá nhân (tiết kiệm cá nhân, vay từ gia đình, bạn bè) (8)
 - Tín dụng nhà cung cấp (9)
 - Quỹ kinh doanh mạo hiểm (10)
 - Các nguồn tín dụng khác (98)
 - Không sử dụng nguồn vay nào (99)
14. Khi đi tìm các nguồn vốn bên ngoài trong vòng 1 năm qua, doanh nghiệp có gặp phải các tình huống dưới đây không? (Chọn tất cả những câu trả lời phù hợp)
- Lãi suất quá cao (1)
 - Bị từ chối cho vay do thiếu tài sản thế chấp (2)
 - Bị từ chối cho vay do thiếu kinh nghiệm kinh doanh (3)
 - Quá trình đi vay quá phức tạp (4)
 - Bị gây khó dễ do mình là phụ nữ (5)
 - Không gặp khó khăn gì (98)
 - Không đi tìm nguồn vốn bên ngoài (99)
15. Hiện nay doanh nghiệp có đang sử dụng tín dụng ngân hàng không (dưới hình thức vay hoặc hạn mức tín dụng)? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Có (1)
 - Không (2)



16. Theo bà, hiện doanh nghiệp có đủ nguồn tài chính để tiếp tục mở rộng và phát triển hay không? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)

- Có (1) Không (2)

17. Bà thường hỏi ý kiến ai khi phải ra những quyết định kinh doanh quan trọng? (Chọn tất cả những câu trả lời phù hợp)

- Các chủ doanh nghiệp thân quen (1)
 Các cán bộ quản lý/ nhân viên chủ chốt trong doanh nghiệp (2)
 Luật sư (3)
 Kế toán hay tư vấn tài chính (4)
 Chồng hoặc các thành viên khác trong gia đình (5)
 Ban giám đốc / ban cố vấn doanh nghiệp (6)
 Ngân hàng/cán bộ tín dụng (7)
 Một người nhiều kinh nghiệm (8)
 Người khác (98)
 Không có ai, Tôi thường tự ra các quyết định quan trọng (99)

18. Hãy đánh giá mức độ hữu ích của các hoạt động dưới đây đối với sự phát triển và thành công của doanh nghiệp? (Chọn **MỘT** câu trả lời cho mỗi vấn đề)

| | Hoàn toàn không hữu ích (1) | Không hữu ích lắm (2) | Hơi hữu ích (3) | Rất hữu ích (4) | Vô cùng hữu ích (5) |
|---|-----------------------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|
| a. Thường xuyên gặp gỡ với các chủ doanh nghiệp khác để trao đổi ý tưởng/kinh nghiệm | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| b. Đào tạo về quản lý tài chính | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| c. Đào tạo các kỹ năng về quản trị và lãnh đạo doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| d. Học hỏi thêm về áp dụng công nghệ để phát triển doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| e. Học hỏi thêm về cách tiếp cận thị trường mới trong và ngoài nước | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| f. Học hỏi thêm về cách tham gia vận động và xây dựng chính sách liên quan đến doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| g. Tham quan nước ngoài để gặp gỡ và trao đổi với các chủ doanh nghiệp ở các nước khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |



19. Đối với từng lĩnh vực dưới đây, là phụ nữ có ảnh hưởng gì không? (Chọn **MỘT** câu trả lời cho mỗi vấn đề)

| | Khó khăn hơn do mình là phụ nữ (1) | Không có sự khác biệt (2) | Đễ dàng hơn do mình là phụ nữ (3) |
|---|------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|
| a. Tiếp cận các nguồn tài chính | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| b. Tham gia các mạng lưới doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| c. Quản lý nhân viên nam | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| d. Quản lý nhân viên nữ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| e. Làm việc với khách hàng/đối tác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| f. Được tôn trọng với tư cách là chủ một doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| g. Thực hiện các thủ tục giấy tờ/hành chính với cơ quan công quyền | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| h. Đối phó với các hành vi tham nhũng | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| i. Cân bằng giữa công việc và gia đình | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| j. Giao lưu và thiết lập quan hệ kinh doanh với các nhà cố vấn, tư vấn và các chủ doanh nghiệp khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| k. Các vấn đề về an toàn cá nhân | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

20. Theo bà các vấn đề dưới đây ảnh hưởng thế nào đến sự thành công của doanh nghiệp? (Chọn **MỘT** câu trả lời cho mỗi vấn đề)

| | Ảnh hưởng không tốt (1) | Không có sự khác biệt (2) | Ảnh hưởng tốt (3) |
|---|--------------------------|---------------------------|--------------------------|
| a. Là phụ nữ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| b. Tuổi tác của bà | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| c. Trình độ học vấn của bà | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| d. Dân tộc xuất xứ của bà | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| e. Tình trạng hôn nhân của bà | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| f. Địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |



Tiếp theo, hãy cung cấp thêm cho chúng tôi một số thông tin về doanh nghiệp. Nếu bà đang điều hành nhiều doanh nghiệp, xin hãy kể về doanh nghiệp chính nhất.

21. Bà đã thành lập doanh nghiệp này bao lâu rồi? _____ năm
22. Bà đã thành lập bao nhiêu doanh nghiệp trước doanh nghiệp này?
_____ doanh nghiệp
23. Bà có doanh nghiệp này bằng cách nào? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Tự mình thành lập doanh nghiệp (1)
 - Mua lại doanh nghiệp (2)
 - Thừa hưởng lại doanh nghiệp (3)
 - Có được doanh nghiệp này (chẳng hạn do kết hôn) (4)
24. Hiện bà đang sở hữu bao nhiêu % vốn doanh nghiệp này? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Dưới 50% (1)
 - 50% (2)
 - 51-99% (3)
 - 100% (4)
25. (Trường hợp sở hữu ít hơn 100%:) Ngoài bà ra, còn có bao nhiêu người sở hữu doanh nghiệp này? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Một người nữa (1)
 - Hai người nữa (2)
 - Ba hoặc hơn ba người nữa (3)
26. (Trường hợp sở hữu ít hơn 100%:) Những người sau đây có tham gia sở hữu và quản lý doanh nghiệp của bà không? (Chọn tất cả những câu trả lời phù hợp)
- Chồng (1)
 - Bố mẹ (2)
 - Con (3)
 - Các thành viên khác của gia đình (4)



27. Việc quản lý doanh nghiệp chiếm bao nhiêu thời gian của bà trong một tuần? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Ít hơn 20 tiếng (1)
 - 20 đến 40 tiếng (2)
 - 40 đến 49 tiếng (3)
 - 50 đến 59 tiếng (4)
 - 60 hay nhiều hơn (5)
28. Ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Nông nghiệp (1)
 - Phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên (dầu khí, than v.v...) (2)
 - Sản xuất các sản phẩm không lâu bền (thức ăn, quần áo, mỹ nghệ) (3)
 - Sản xuất các sản phẩm lâu bền (máy móc, thép, lốp, v.v...) (4)
 - Thương mại (bán buôn/bán lẻ) (5)
 - Dịch vụ - du lịch (6)
 - Dịch vụ - các dịch vụ kinh doanh (7)
 - Dịch vụ - các dịch vụ cá nhân (8)
 - Công nghệ/Công nghệ thông tin (9)
 - Khác (99)
29. Bà có là hội viên của những hiệp hội nào dưới đây không? (Chọn tất cả những câu trả lời phù hợp)
- Hội doanh nghiệp ngành nghề (thực thực phẩm, dệt may, da giày, chế biến thủy sản v.v...) (1)
 - Hội doanh nghiệp trẻ (2)
 - Hội đồng doanh nhân nữ của VCCI (4)
 - Hội doanh nghiệp khác (5)
 - Câu lạc bộ doanh nhân nữ (3)
 - Không thuộc hiệp hội nào (6)
30. Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt ở tỉnh nào?
-
31. Doanh nghiệp của bà có đặt tại nhà của bà không? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- Có (1)
 - Không (2)



32. Hiện doanh nghiệp của bà thuê bao nhiêu lao động, không kể bà?
 _____ lao động hợp đồng dài hạn _____ lao động ngắn hạn hoặc theo vụ
33. Doanh nghiệp đang thuê khoảng bao nhiêu lao động là nữ? _____ nữ
34. Doanh số của doanh nghiệp trong năm 2004 là bao nhiêu? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- | | |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Dưới 100 triệu đồng (1) | <input type="checkbox"/> 5 tỷ - dưới 10 tỷ đồng (5) |
| <input type="checkbox"/> 100 triệu - dưới 500 triệu đồng (2) | <input type="checkbox"/> 10 tỷ - dưới 50 tỷ đồng (6) |
| <input type="checkbox"/> 500 triệu - dưới 1 tỷ đồng (3) | <input type="checkbox"/> 50 tỷ - dưới 200 tỷ đồng (7) |
| <input type="checkbox"/> 1 tỷ - dưới 5 tỷ đồng (4) | <input type="checkbox"/> từ 200 tỷ đồng trở lên (8) |

Hãy trả lời thêm một số câu hỏi về bản thân bà. Thông tin này sẽ được giữ tuyệt mật và chỉ dùng để miêu tả các dữ liệu khác.

35. Độ tuổi của bà? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- | |
|--|
| <input type="checkbox"/> Dưới 25 (1) |
| <input type="checkbox"/> Từ 25 đến 34 (2) |
| <input type="checkbox"/> Từ 35 đến 44 (3) |
| <input type="checkbox"/> Từ 45 đến 54 (4) |
| <input type="checkbox"/> Từ 55 trở lên (5) |
36. Tình trạng hôn nhân của bà? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- | | |
|--|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Có chồng (1) | <input type="checkbox"/> Ly thân (4) |
| <input type="checkbox"/> Độc thân, chưa có chồng (2) | <input type="checkbox"/> Góa (5) |
| <input type="checkbox"/> Li dị (3) | |
37. Có bao nhiêu người ở gia đình hiện đang phụ thuộc vào thu nhập của doanh nghiệp (chẳng hạn con cái, bố mẹ hay họ hàng)? _____ người



38. Trình độ học vấn cao nhất của bà? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Học hết tiểu học (1) | <input type="checkbox"/> Tốt nghiệp đại học (4) |
| <input type="checkbox"/> Tốt nghiệp trung học/trung cấp (2) | <input type="checkbox"/> Sau đại học (5) |
| <input type="checkbox"/> Trên trung học, nhưng chưa đại học (3) | |
39. Bà thuộc dân tộc nào? (Chỉ chọn **MỘT** câu trả lời)
- | | |
|------------------------------------|------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Kinh (1) | <input type="checkbox"/> Thái (4) |
| <input type="checkbox"/> Hoa (2) | <input type="checkbox"/> Khmer (5) |
| <input type="checkbox"/> Hmong (3) | <input type="checkbox"/> Khác (6) |

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của bà.

Phụ lục 3

Phụ lục 3: Bảng câu hỏi hướng dẫn cho thảo luận nhóm/ phỏng vấn

Bảng câu hỏi dành cho phỏng vấn cho “Tiếng nói của các doanh nhân nữ”

Thông tin cơ sở:

1. vốn đăng ký
2. số lao động
3. doanh thu
4. lợi nhuận (họ thường ít khi cho biết thông tin này)
5. tăng trưởng: thay đổi những chỉ số trên theo nhiều năm
6. Kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp: khi thành lập doanh nghiệp, liệu họ đã có doanh nghiệp nào trước doanh nghiệp hiện nay chưa
7. Họ làm gì trước khi thành lập doanh nghiệp
8. Trình độ học vấn
9. Một số thông tin về gia đình: tình trạng hôn nhân, số con ...

Câu hỏi chung:

1. Tại sao thành lập doanh nghiệp?
2. Có được chồng hoặc ai đó hỗ trợ trong quá trình thành lập, quản lý doanh nghiệp hay trong các quyết định kinh doanh hay không?

Một số vấn đề cụ thể: tùy thuộc vào doanh nghiệp và kinh nghiệm của các doanh nhân nữ được phỏng vấn, có thể trọng tâm vào một số những vấn đề sau:

1. Tiếp cận tài chính: nguồn chính thức/không chính thức? Thái độ của ngân hàng và các nhà cung cấp tín dụng khác, mối quan hệ và thái độ của các cán bộ tín dụng, quy trình xin cấp tín dụng;
2. Cân bằng giữa công việc và gia đình: quản lý về thời gian (làm thế nào để giảm bớt gánh nặng trách nhiệm gia đình cho phụ nữ?)
3. Các vấn đề liên quan đến tạo mạng lưới liên kết (các hiệp hội doanh nghiệp/ câu lạc bộ nữ, các mạng lưới không chính thức? Họ có tham gia các hiệp hội doanh nghiệp ngành nghề không? Có trở ngại nào đối với việc tham gia này không?)
4. Các vấn đề về kỹ năng quản lý kinh doanh (cơ hội giáo dục đào tạo, được hướng dẫn, tư vấn...)

5. Các vấn đề liên quan đến môi trường chính sách pháp luật (có sự phân biệt đối xử nào đối với phụ nữ không? Có nên có những ưu tiên cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp nữ không? Ưu tiên gì là cần thiết?)
6. Quan niệm xã hội về của nữ chủ doanh nghiệp (tích cực/tiêu cực)
7. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa/gia nhập WTO

Các giai đoạn phát triển của doanh nghiệp:

1. Những khó khăn gặp phải là phụ nữ khi thành lập doanh nghiệp? Cách thức giải quyết / chiến lược áp dụng?
2. Khó khăn trong vận hành và quản lý doanh nghiệp?
3. Kế hoạch mở rộng doanh nghiệp và những trở ngại có thể để thực hiện kế hoạch này?
4. Nếu doanh nghiệp đã tham gia thị trường quốc tế, còn có những khó khăn gì trong tiếp cận và giao dịch với các đối tác nước ngoài?

Câu hỏi liên quan đến tâm tư tình cảm và quan niệm của chủ doanh nghiệp nữ:

1. Những động cơ khuyến khích trở thành chủ doanh nghiệp?
2. Nếu được chọn lại lần nữa, bà có chọn công việc này nữa không?
3. Với những kinh nghiệm bà đã thu thập được cho đến hôm nay, bà có nghĩ mình sẽ thành lập và điều hành doanh nghiệp mình theo một cách khác không?
4. Nếu bà có con gái mà cũng muốn trở thành một chủ doanh nghiệp như bà, bà sẽ khuyên cô ấy như thế nào?
5. Triển vọng doanh nghiệp của bà trong vòng 5 năm tới?

Số liệu khảo sát

Phụ lục 4: Số liệu khảo sát

| Bảng 1: Mối quan tâm hàng đầu theo khu vực | | | | | | |
|--|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Vấn đề | Tổng | Khu vực | | | | |
| | | Hà Nội | M Bắc | M Trung | TP HCM | M Nam |
| Chất lượng lao động, tuyển dụng và giữ lao động giỏi % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 80% 4.14 | 96% 4.62 | 96% 4.48 | 72% 3.95 | 80% 4.15 | 78% 4.09 |
| Chất lượng lao động, tuyển dụng và giữ lao động giỏi % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 69% 3.87 | 80% 4.00 | 92% 4.44 | 65% 3.82 | 65% 3.69 | 67% 3.88 |
| Luật pháp và chính sách không có lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 67% 3.85 | 78% 3.98 | 59% 3.52 | 59% 3.72 | 74% 3.95 | 64% 3.82 |
| Hiệu suất/năng suất thấp % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 61% 3.82 | 56% 3.85 | 56% 3.61 | 58% 3.81 | 68% 3.89 | 60% 3.77 |
| Tiếp cận thị trường mới (ví dụ như buôn bán với nước ngoài, hay bán cho nhiều loại khách hàng khác nhau) % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 67% 3.81 | 72% 3.92 | 74% 4.36 | 58% 3.57 | 77% 3.96 | 65% 3.75 |
| Tiếp cận các khóa đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật để học hỏi các kỹ năng quản trị doanh nghiệp % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 62% 3.71 | 74% 3.92 | 77% 4.12 | 60% 3.69 | 60% 3.61 | 60% 3.71 |
| Tiếp cận các công nghệ cần thiết cho doanh nghiệp % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 63% 3.70 | 80% 4.00 | 70% 3.96 | 51% 3.45 | 60% 3.62 | 64% 3.77 |
| Tiếp cận các nguồn tài chính % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 63% 3.62 | 76% 3.78 | 85% 4.00 | 61% 3.62 | 57% 3.47 | 61% 3.61 |
| Tiếp cận đất đai/nhà xưởng/tài sản % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 48% 3.32 | 54% 3.54 | 67% 3.70 | 53% 3.46 | 36% 3.05 | 49% 3.32 |



| Bảng 1: Mối quan tâm hàng đầu theo khu vực (tiếp) | | | | | | |
|--|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Vấn đề | Tổng | Khu vực | | | | |
| | | Hà Nội | M Bắc | M Trung | TP HCM | M Nam |
| Chi phí dịch vụ công cộng cao (điện, nước, viễn thông v.v...) % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 42% 3.22 | 50% 3.46 | 30% 2.72 | 38% 3.21 | 45% 3.28 | 42% 3.22 |
| Chi phí lao động cao % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 35% 3.06 | 42% 3.30 | 33% 3.22 | 27% 2.74 | 36% 3.12 | 37% 3.07 |
| Cạnh tranh từ các nước khác % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 34% 3.22 | 52% 3.21 | 30% 2.77 | 21% 2.50 | 38% 3.09 | 31% 2.76 |
| Tham nhũng % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 27% 2.55 | 36% 2.91 | 22% 2.53 | 20% 2.32 | 29% 2.66 | 26% 2.44 |
| Thành kiến đối với phụ nữ % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 27% 2.55 | 30% 2.79 | 22% 2.35 | 19% 2.19 | 26% 2.54 | 30% 2.70 |
| Các khoản chi cho hối lộ và không chính thức khác % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 16% 2.26 | 26% 2.73 | 15% 2.33 | 12% 2.05 | 18% 2.40 | 12% 2.04 |
| Số người trả lời | (473) | (50) | (27) | (99) | (114) | (166) |

* Trung bình trên thang điểm từ 1 đến 5, trong đó 1= Hoàn toàn không quan trọng, 3= Hơi quan trọng, và 5= Vô cùng quan trọng.

Bảng 2: Hoạt động đào tạo kinh doanh quan trọng theo quy mô lao động của doanh nghiệp

| Vấn đề | Tổng | Số lao động hợp đồng dài hạn | | | | |
|--|-------------|------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| | | 0 | 1 - 4 | 5 - 9 | 10 - 24 | 25+ |
| Đào tạo các kỹ năng về quản trị và lãnh đạo doanh nghiệp % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 75% 4.07 | 68% 4.02 | 68% 3.81 | 76% 4.17 | 83% 4.23 | 84% 4.14 |
| Đào tạo về quản lý tài chính % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 74% 3.98 | 61% 3.85 | 65% 3.75 | 76% 4.07 | 84% 4.15 | 76% 4.04 |
| Học hỏi thêm về cách tiếp cận thị trường mới trong và ngoài nước % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 71% 3.92 | 63% 3.94 | 56% 3.52 | 73% 3.95 | 75% 4.05 | 84% 4.15 |
| Học hỏi thêm về áp dụng công nghệ để phát triển doanh nghiệp % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 71% 3.91 | 68% 4.14 | 64% 3.73 | 68% 3.89 | 75% 3.99 | 72% 3.94 |
| Thường xuyên gặp gỡ với các nữ chủ doanh nghiệp khác để trao đổi ý tưởng/kinh nghiệm % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 64% 3.77 | 70% 3.90 | 68% 3.85 | 60% 3.68 | 66% 3.82 | 56% 3.65 |
| Học hỏi thêm về cách tham gia vận động và xây dựng chính sách liên quan đến doanh nghiệp % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 60% 3.70 | 64% 3.84 | 58% 3.54 | 66% 3.84 | 56% 3.68 | 62% 3.72 |
| Tham quan nước ngoài để gặp gỡ và trao đổi với các chủ doanh nghiệp ở các nước khác % quan trọng/rất quan trọng Trung bình (1-5)* | 59% 3.67 | 71% 3.71 | 55% 3.28 | 63% 3.63 | 66% 3.77 | 77% 3.92 |
| Số người trả lời | (473) | (59) | (111) | (80) | (98) | (125) |

* Trung bình trên thang điểm từ 1 đến 5, trong đó 1= Hoàn toàn không quan trọng, 3= Hơi quan trọng, và 5= Vô cùng quan trọng.

Bảng 3: Nguồn tín dụng theo tuổi đời của doanh nghiệp

| Nguồn vốn sử dụng trong vòng 12 tháng qua | Tổng | Tuổi đời của doanh nghiệp | | |
|---|-------|---------------------------|-------|-------|
| | | <5 | 5-9 | 10+ |
| Vay ngân hàng với tư cách doanh nghiệp | 52% | 43% | 53% | 56% |
| Nguồn cá nhân (tiết kiệm cá nhân, gia đình, bạn bè) | 47 | 60 | 44 | 45 |
| Lãi của doanh nghiệp | 23 | 28 | 21 | 26 |
| Vay ngân hàng với tư cách cá nhân | 17 | 29 | 14 | 13 |
| Các hạn mức tín dụng | 8 | 8 | 5 | 12 |
| Các hạn mức tín dụng | 6 | 9 | 5 | 7 |
| Vay chợ đen | 6 | 8 | 6 | 5 |
| Thẻ tín dụng | 2 | 0 | 1 | 3 |
| Vay từ chương trình tài chính vi mô | 1 | 4 | 0 | 0 |
| Quỹ kinh doanh mạo hiểm | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Các nguồn khác | 6 | 4 | 5 | 5 |
| Không sử dụng nguồn vay nào | 20 | 19 | 19 | 24 |
| Số người trả lời | (473) | (76) | (190) | (186) |

Con số tổng có thể hơn 100% vì có thể có nhiều câu trả lời.

Bảng 4: % sử dụng tín dụng ngân hàng theo các nhóm chính

| | Đang sử dụng tín dụng ngân hàng, như vay hoặc hạn mức tín dụng? | | | Số người trả lời |
|----------------------------------|---|-------|---------------|------------------|
| | Có | Không | Không trả lời | |
| Tổng | 49% | 46 | 5 | (473) |
| Khu vực | | | | |
| Hà Nội | 44% | 52 | 4 | (50) |
| M Bắc | 56% | 41 | 4 | (27) |
| M Trung | 55% | 38 | 7 | (99) |
| TP HCM | 47% | 51 | 3 | (114) |
| M Nam | 48% | 47 | 5 | (166) |
| Ngành chính | | | | |
| Sản xuất | 59% | 35 | 6 | (106) |
| Dịch vụ | 47% | 49 | 4 | (355) |
| Tuổi đời của Doanh nghiệp | | | | |
| < 5 năm | 51% | 45 | 4 | (76) |
| 5 - 9 năm | 47% | 50 | 3 | (190) |
| 10 năm trở lên | 50% | 45 | 5 | (186) |

Bảng 5: % doanh nghiệp tham gia thương mại quốc tế theo các nhóm chính

| | Hiện đang xuất/nhập khẩu hàng hóa/dịch vụ ? | | | Số người trả lời |
|----------------------------------|---|-------|---------------|------------------|
| | Co | Không | Không trả lời | |
| Tổng | 29% | 63 | 7 | (473) |
| Khu vực | | | | |
| Hà Nội | 70% | 18 | 12 | (50) |
| M Bắc | 14% | 82 | 4 | (27) |
| M Trung | 14% | 78 | 8 | (99) |
| TP HCM | 66% | 40 | 4 | (114) |
| M Nam | 10% | 83 | 7 | (166) |
| Ngành chính | | | | |
| Sản xuất | 47% | 47 | 6 | (106) |
| Dịch vụ | 24% | 69 | 7 | (355) |
| Tuổi đời của Doanh nghiệp | | | | |
| < 5 năm | 42% | 55 | 3 | (76) |
| 5-9 năm | 27% | 65 | 8 | (190) |
| 10 năm trở lên | 29% | 65 | 6 | (186) |
| Số nhân công dài hạn | | | | |
| 0 | 19% | 64 | 17 | (59) |
| 1-4 | 9% | 86 | 5 | (111) |
| 5-9 | 19% | 76 | 5 | (80) |
| 10-24 | 28% | 65 | 7 | (98) |
| 25+ | 60% | 34 | 6 | (125) |

Bảng 6: Mức độ sử dụng công nghệ theo các nhóm chính

| | % sử dụng mạng nội bo | % sử dụng Internet thường xuyên | % có trang chủ |
|----------------------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------|
| Tổng | 35% | 37% | 24% |
| Khu vực | | | |
| Hà Nội | 82 | 76 | 58 |
| M Bắc | 22 | 16 | 4 |
| M Trung | 23 | 26 | 16 |
| TP HCM | 54 | 66 | 46 |
| M Nam | 21 | 22 | 11 |
| Ngành chính | | | |
| Sản xuất | 38 | 45 | 32 |
| Dịch vụ | 35 | 38 | 23 |
| Tuổi đời của Doanh nghiệp | | | |
| < 5 năm | 43 | 45 | 29 |
| 5-9 năm | 35 | 35 | 25 |
| 10 năm trở lên | 35 | 43 | 25 |
| Số nhân công dài hạn | | | |
| 0 | 17 | 16 | 10 |
| 1-4 | 8 | 21 | 8 |
| 5-9 | 25 | 29 | 17 |
| 10-24 | 48 | 47 | 26 |
| 25+ | 66 | 65 | 51 |
| Tuổi của chủ doanh nghiệp | | | |
| Dưới 45 | 47 | 51 | 33 |
| Từ 45 trở lên | 26 | 29 | 19 |

Đây là % trả lời có hay % sử dụng.



**International
Finance Corporation**
World Bank Group



Mekong Private Sector Development Facility

HÀ NỘI

Tầng 3, 63 Lý Thái Tổ
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 824 7892
Fax: (84-4) 824 7898

TP HỒ CHÍ MINH

Tầng 3, Somerset Chancellor Court
21-23 Nguyễn Thị Minh Khai
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84-8) 823 5266
Fax: (84-8) 823 5271

PHNOM PENH

70 Norodom Blvd.
Sangkat Chey Chumnas
P.O. Box 1115.
Phnom Penh, Cambodia
Tel: (855-23) 210 922
Fax: (855-23) 215 157

VIENTIANE

Nehru Road, Pathou Xay
P.O. Box 9690
Vientiane, Lao P.D.R.
Tel: (856-21) 450 017-9
Fax: (856-21) 450 020

Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân MPDF do nhiều quốc gia và tổ chức tài trợ, được điều hành bởi Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC. IFC-MPDF được thành lập với mục tiêu giảm nghèo thông qua việc hỗ trợ sự phát triển bền vững của khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam, Campuchia và Lào. IFC-MPDF bao gồm sáu chương trình: Phát triển môi trường kinh doanh, Tăng cường năng lực của các nhà quản lý và bốn chương trình hỗ trợ phát triển các ngành (Tài chính, Dệt may, Du lịch và Nông nghiệp). IFC-MPDF được tài trợ bởi Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB, Ôxtrâyliya, Canada, Phần Lan, Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC, Cộng hòa Ai-len, Nhật Bản, Niu Di Lân, Hà Lan, Na Uy, Thụy Sĩ, Thụy Điển và Vương Quốc Anh.
[Website: http://www.mpdf.org](http://www.mpdf.org)

Gender Entrepreneurship Markets

Bộ phận Giới - Doanh nghiệp - Thị trường (GEM)

Tổ chức Tài chính Quốc tế
2121 Pennsylvania Avenue, NW
Washington, DC 20433, Hoa Kỳ
Tel: (001-202) 473 1028
Email: GEM-info@ifc.org

Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) thành lập bộ phận Giới - Doanh nghiệp - Thị trường (Gender-Entrepreneurship-Markets - GEM) vào tháng 12 năm 2004. Mục tiêu của Bộ phận này là lồng ghép các vấn đề giới vào công việc của IFC và qua đó giúp phát huy hết tiềm năng làm kinh tế của phụ nữ cũng như nam giới ở các nước đang phát triển. Để biết thêm thông tin chi tiết về GEM, xin tham khảo thêm trên trang web: <http://www.ifc.org/GEM>